

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **100 /2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 29 – 12 - 2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thủy

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Doan

2. Ông Nguyễn Chí Vương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hón Quản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Sáu– Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 477/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104 /2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 08/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thị D, sinh năm 1995 (Có yêu cầu vắng mặt)

Trú tại: Tổ 01, ấp X, Xã Q, huyện H, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Anh Điều Ng, sinh năm 1989 (Có yêu cầu vắng mặt)

Trú tại: Tổ 01, ấp X, Xã Q, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày của nguyên đơn Thị D:

Chị Thị D và anh Điều Ng tự nguyện chung sống từ năm 2012, đến năm 2015 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Xã Q, huyện H, tỉnh Bình Phước, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 17/9/2015. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Điều Ng không lo làm ăn, thường xuyên đánh bạc, uống rượu nên vợ chồng cãi nhau nhiều lần và anh Ng bỏ đi ở nơi khác. Do sau một thời gian anh Ng không thay đổi nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh Ng.

Vợ chồng có 01 con chung Điều Minh Th, sinh ngày 11/5/2013, đang sống cùng chị D. Khi ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn Điều Ng trình bày:

Anh Điều Ng trình bày thống nhất với chị Thị D về việc thời gian chung sống, đăng ký kết hôn. Do chị D đi làm công nhân thường xuyên về trễ, không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và anh Ng bỏ về nhà cha mẹ ruột ở từ đầu năm 2020 đến nay. Anh Ng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D.

Chị D đang nuôi con chung Điều Minh Th, sinh ngày 11/5/2013 nên anh Ng đồng ý để cho chị D tiếp tục nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận.

Tài sản chung nợ chung: Không có.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Do cả hai đương sự cùng xác định có mâu thuẫn và chị D yêu cầu ly hôn và anh Ng đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị D Ly hôn với anh Ng. Về con chung theo lời trình bày thống nhất của hai bên đương sự, đề nghị giao con chung Điều Minh Th cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Điều Ng có nơi cư trú tại Xã Q, huyện H, nên đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Chị D và anh Ng cùng có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt hai đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị D và anh Điều Ng tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Xã Q, huyện H, tỉnh Bình Phước, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 17/9/2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị D yêu cầu ly hôn và anh Ng đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho chị Thị D ly hôn với anh Điều Ng.

[4] Về con chung: Con chung Điều Minh Th, sinh ngày 11/5/2013 đang sống cùng chị D. Anh Ng đồng ý để chị D tiếp tục nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con Điều Minh Th, sinh ngày 11/5/2013 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị D không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không giải quyết.

[6] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 207, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị D được ly hôn với anh Điều Ng.

2. Giao con chung Điều Minh Th, sinh ngày 11/5/2013 cho chị Thị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi có lý do chính đáng, người trực tiếp nuôi con có thể yêu cầu cấp dưỡng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

3. Về án phí: Chị Thị D chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu

số 0002389 ngày 11/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản
- Các đương sự
- Nơi ĐKKH
- CCTHADS huyện Hớn Quản
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thu Thủy